TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2025
V/v "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hùng;

2. Bà Trần Thị Kim Duyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công: *Không tham gia*.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 232/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978;
Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm: 1977;
Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2011, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2011, vào ngày 12/12/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong gia đình, anh T đuổi chị ra khỏi nhà; anh chị đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không ai quan tâm ai, không có hàn gắn. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Mai Văn T có địa chỉ tại xã B, thành phố G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị H xin ly hôn với anh T, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn*".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2011, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2011, vào ngày 12/12/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong gia đình, anh T đuổi chị đi khỏi nhà, chị và anh T đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết, anh T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh T không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng chị H và anh T đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H và anh T.

- Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Mai Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0001113 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Mai Văn T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- C.C THADS TPGC;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Xuân;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo